

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **930**/GDĐT
V/v quy định số tiết dạy, số cột
điểm kiểm tra năm học 2021-2022

Nhà Bè, ngày **28** tháng 9 năm 2021

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 7 năm 2021 Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12 tháng 12 năm 2011,

Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai việc thực hiện số cột điểm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ năm học 2021-2022 các nội dung sau:

1. Quy định số tiết dạy, số cột điểm kiểm tra

a. Khối 6: Áp dụng Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 7 năm 2021 Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

- Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của học sinh trong học kỳ 1 và cả năm.

* Kết quả rèn luyện của học sinh: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

* Kết quả học tập của học sinh: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt.

* Khen thưởng danh hiệu chỉ 01 lần cuối năm (TT22 không có khen thưởng cho HK1): Học sinh Xuất sắc; Học sinh Giỏi; và khen thưởng học sinh có: Thành tích đột xuất, thành tích đặc biệt.

Phân môn môn học bắt buộc trong tuần của năm học có 35 tuần thực học và Kiểm tra cuối học kỳ	SỐ TIẾT KHỐI 6		Tổng tiết trong năm	Số lần Kiểm tra mỗi HK			Hình thức đánh giá
	HK1	HK2		KTtx	KTgk	KTck	
Ngữ văn	4	4	140	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số

Toán	4	4	140	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	3	3	105	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Giáo dục công dân	1	1	35	2	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Lịch sử và Địa lí	3= Sử 2+ Địa 1	3= Sử 1 + Địa 2	105	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Khoa học tự nhiên	4	4	140	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Công nghệ	1	1	35	2	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Tin học	1	1	35	2	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Giáo dục thể chất	2	2	70	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Nghệ thuật (Âm nhạc)	1	1	35	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Nghệ thuật (Mỹ thuật)	1	1	35	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	3	3	105	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Nội dung giáo dục của địa phương (Lịch sử địa phương)	1	1	35	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)

b. Khối 7: Áp dụng Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12 tháng 12 năm 2011.

* Xếp loại HKI và Cả Năm (K7,8,9)

* Hạnh kiểm: Tốt (T), Khá (K), Trung bình (Tb), Yếu (Y).

* Học lực: Giỏi (G), Khá (K), Trung bình (Tb), Yếu (Y), Kém (Kém)

Phân môn môn học bắt buộc trong tuần của năm học có 35 tuần thực học và Kiểm tra cuối học kỳ	SỐ TIẾT KHỐI 7		Tổng tiết trong năm	Số lần Kiểm tra mỗi HK			Hình thức đánh giá
	HK1	HK2		KTtx	KTgk	KTck	
Ngữ văn	4	4	140	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Toán	4	4	140	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	3	3	105	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Giáo dục công dân	1	1	35	2	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Lịch sử	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Địa lý	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Vật lý	1	1	35	2	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Sinh học	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Công nghệ	1	2	52	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Tin học (tự chọn)	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Giáo dục thể chất	2	2	70	3	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)

Âm nhạc	1	1	35	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Mỹ thuật	1	1	35	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
NGLL	18 tiết/năm – 8 chủ điểm						

c. Khối 8: Áp dụng Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12 tháng 12 năm 2011.

Phân môn môn học bắt buộc trong tuần của năm học có 35 tuần thực học và Kiểm tra cuối học kỳ	SỐ TIẾT KHỐI 8		Tổng tiết trong năm	Số lần Kiểm tra mỗi HK			Hình thức đánh giá
	HK1	HK2		KTtx	KTgk	KTck	
Ngữ văn	4	4	140	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Toán	4	4	140	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	3	3	105	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Giáo dục công dân	1	1	35	2	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Lịch sử	2	1	53	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Địa lý	1	2	52	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Vật lý	1	1	35	2	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Hoá học	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Sinh học	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Công nghệ	2	1	53	3	1	1	Nhận xét kết

							hợp điểm số
Tin học (tự chọn)	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Giáo dục thể chất	2	2	70	3	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Âm nhạc	1	1	35	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Mỹ thuật	1	1	35	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
NGLL	18 tiết/năm – 8 chủ điểm						
Nghề Phổ thông	70 tiết/năm						

d. Khối 9: Áp dụng Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12 tháng 12 năm 2011.

Phân môn môn học bắt buộc trong tuần của năm học có 35 tuần thực học và Kiểm tra cuối học kỳ	SỐ TIẾT KHỐI 9		Tổng tiết trong năm	Số lần Kiểm tra mỗi HK			Hình thức đánh giá
	HK1	HK2		KTtx	KTgk	KTck	
Ngữ văn	5	5	175	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Toán	4	4	140	4	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Giáo dục công dân	1	1	35	2	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Lịch sử	1	2	52	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Địa lý	2	1	53	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Vật lý	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết

							hợp điểm số
Hoá học	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Sinh học	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Công nghệ	1	1	35	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Tin học (tự chọn)	2	2	70	3	1	1	Nhận xét kết hợp điểm số
Giáo dục thể chất	2	2	70	3	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Âm nhạc	0	1	17	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
Mỹ thuật	1	0	18	2	1	1	Nhận xét (Đ; CĐ)
NGLL	18 tiết/năm – 8 chủ điểm						
Hướng nghiệp	9 chủ đề/năm (27 tiết/năm)						

2. Quy định hình thức kiểm tra

a) Kiểm tra đánh giá thường xuyên

- Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: Hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

- Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) theo quy định số cột điểm nêu trên.

b) Kiểm tra đánh giá định kỳ

- Đánh giá định kì (*không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập*), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: Bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

- Thời gian làm bài kiểm tra (*trên giấy hoặc trên máy tính*) đối với môn học (*không bao gồm cụm chuyên đề học tập*) có từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút, đối với môn học (*không bao gồm cụm chuyên đề học tập*) có trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

- Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

- Số cột điểm kiểm tra đánh giá định kỳ gồm 1 cột điểm đánh giá giữa kỳ và 1 cột điểm đánh giá cuối kỳ.

- Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số. (ví dụ: 7,25 làm tròn là 7,3; 7,75 làm tròn là 7,8)

Lưu ý:

1. Những học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định, nếu có lý do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng học kỳ.

2. Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định tại khoản 4 Điều này thì được đánh giá mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung trên trong năm học năm học 2021-2022.// *ng*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng phòng GD&ĐT “đề báo cáo”;
- Lưu: VT. *ng*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Lê Thanh Hải

